

Số: 115/TTr-UBND

Vĩnh Châu, ngày 13 tháng 9 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024
(vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ
Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn
ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn
2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức
phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số
giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh
Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc phân bổ vốn ngân sách Trung ương (vốn
sự nghiệp) năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn
thị xã Vĩnh Châu;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm
2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế
- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước

năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu;

Căn cứ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) cho các cơ quan, đơn vị thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 1384/TB/TU ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Thị ủy Vĩnh Châu về việc kết luận của Ban Thường vụ Thị ủy Vĩnh Châu.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu xem xét điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu với tổng số tiền 17.928.900.000 đồng (bằng chữ: mười bảy tỷ, chín trăm hai mươi tám triệu, chín trăm ngàn đồng), chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Bổ sung mục tiêu của tỉnh tại Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, với số tiền 16.299.000.000 đồng.

- Đối ứng ngân sách thị xã từ nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2024 tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023, với số tiền 1.629.900.000 đồng.

Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu trình trước kỳ họp thứ 14 (chuyên đề) Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Liêm

Phụ lục

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Dự toán đã phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương (tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách địa phương (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
	TỔNG SỐ	17.928.900.000	16.299.000.000	1.629.900.000	-	-	17.928.900.000	16.299.000.000	1.629.900.000	
I	DỰ ÁN 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Mã CTMT: 0511)	2.562.000.000	2.562.000.000				2.562.000.000	2.562.000.000	-	
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (228 hộ)	2.280.000.000	2.280.000.000				2.280.000.000	2.280.000.000	-	
-	Phường 1 (12 hộ)	120.000.000	120.000.000				120.000.000	120.000.000		
-	Phường 2 (80 hộ)	800.000.000	800.000.000				800.000.000	800.000.000		
-	Phường Vĩnh Phước (22 hộ)	220.000.000	220.000.000				220.000.000	220.000.000		
-	Phường Khánh Hòa (10 hộ)	100.000.000	100.000.000				100.000.000	100.000.000		
-	Xã Hòa Đông (10 hộ)	100.000.000	100.000.000				100.000.000	100.000.000		
-	Xã Lạc Hòa (40 hộ)	400.000.000	400.000.000				400.000.000	400.000.000		
-	Xã Vĩnh Hải (10 hộ)	100.000.000	100.000.000				100.000.000	100.000.000		
-	Xã Vĩnh Tân (04 hộ)	40.000.000	40.000.000				40.000.000	40.000.000		
-	Xã Lai Hòa (40 hộ)	400.000.000	400.000.000				400.000.000	400.000.000		
2	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	282.000.000	282.000.000				282.000.000	282.000.000		683-341; 12
-	Phòng Dân tộc (94 hộ)	282.000.000	282.000.000				282.000.000	282.000.000		
II	DỰ ÁN 3: phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển tiềm năng, thế mạnh của các địa phương để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (Mã CTMT: 0513)	3.892.000.000	3.892.000.000			2.024.000.000	5.916.000.000	5.916.000.000		
1	Tiểu dự án 2: hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3.892.000.000	3.892.000.000			2.024.000.000	5.916.000.000	5.916.000.000		
*	Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế cộng đồng)	3.892.000.000	3.892.000.000			2.024.000.000	5.916.000.000	5.916.000.000		

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Dự toán đã phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương (tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách địa phương (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
-	Phòng Dân tộc	30.000.000	30.000.000				30.000.000	30.000.000		683-341;12
-	Phường 2	594.000.000	594.000.000			311.000.000	905.000.000	905.000.000		
-	Phường Vĩnh Phước	594.000.000	594.000.000			311.000.000	905.000.000	905.000.000		
-	Phường Khánh Hòa	445.000.000	445.000.000			233.000.000	678.000.000	678.000.000		
-	Xã Hòa Đông	445.000.000	445.000.000			233.000.000	678.000.000	678.000.000		
-	Xã Lạc Hòa	594.000.000	594.000.000			311.000.000	905.000.000	905.000.000		
-	Xã Vĩnh Hải	151.000.000	151.000.000			81.000.000	232.000.000	232.000.000		
-	Xã Vĩnh Tân	445.000.000	445.000.000			233.000.000	678.000.000	678.000.000		
-	Xã Lai Hòa	594.000.000	594.000.000			311.000.000	905.000.000	905.000.000		
III	DỰ ÁN 4: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc (Mã CTMT: 0514)	3.331.900.000	1.702.000.000	1.629.900.000	2.024.000.000		5.355.900.000	3.726.000.000	1.629.900.000	
1	Tiểu dự án 1: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3.331.900.000	1.702.000.000	1.629.900.000	2.024.000.000		5.355.900.000	3.726.000.000	1.629.900.000	
1.1	Nội dung 1: đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số	3.331.900.000	1.702.000.000	1.629.900.000	2.024.000.000		-	5.355.900.000	3.726.000.000	1.629.900.000
*	Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng	3.331.900.000	1.702.000.000	1.629.900.000	2.024.000.000		-	5.355.900.000	3.726.000.000	1.629.900.000
-	Phường 2	361.000.000	261.000.000	100.000.000	311.000.000			672.000.000	572.000.000	100.000.000
-	Phường Vĩnh Phước	361.000.000	261.000.000	100.000.000	311.000.000			672.000.000	572.000.000	100.000.000
-	Phường Khánh Hòa	325.900.000	196.000.000	129.900.000	233.000.000			558.900.000	429.000.000	129.900.000
-	Xã Hòa Đông	596.000.000	196.000.000	400.000.000	233.000.000			829.000.000	429.000.000	400.000.000
-	Xã Lạc Hòa	361.000.000	261.000.000	100.000.000	311.000.000			672.000.000	572.000.000	100.000.000
-	Xã Vĩnh Hải	370.000.000	70.000.000	300.000.000	81.000.000			451.000.000	151.000.000	300.000.000
-	Xã Vĩnh Tân	596.000.000	196.000.000	400.000.000	233.000.000			829.000.000	429.000.000	400.000.000
-	Xã Lai Hòa	361.000.000	261.000.000	100.000.000	311.000.000			672.000.000	572.000.000	100.000.000

STT	Chương trình, dự án/tên đơn vị	Dự toán đã phân bổ	Trong đó		Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) dự toán		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó		Chương- Loại khoản, tính chất nguồn kinh phí
			Ngân sách Trung ương (tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách địa phương (tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 18/12/2023)	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	
IV	DỰ ÁN 5: phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Mã CTMT: 0515)	7.000.000.000	7.000.000.000		(4.048.000.000)		2.952.000.000	2.952.000.000		
1	Tiểu dự án 3: dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số	7.000.000.000	7.000.000.000		(4.048.000.000)		2.952.000.000	2.952.000.000		
-	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	7.000.000.000	7.000.000.000		(4.048.000.000)		2.952.000.000	2.952.000.000		624-098; 12
V	DỰ ÁN 8: thực hiện bình đẳng giới và giải quyết vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em (Mã CTMT: 0518)	1.096.000.000	1.096.000.000				1.096.000.000	1.096.000.000		
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ thị xã	1.096.000.000	1.096.000.000				1.096.000.000	1.096.000.000		712-361; 12
VI	DỰ ÁN 10: truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (Mã CTMT: 0521)	47.000.000	47.000.000				47.000.000,000	47.000.000,000		
1	Tiểu dự án 3: kiểm tra, giám sát, đánh giá, việc tổ chức thực hiện Chương trình	47.000.000	47.000.000		-		47.000.000	47.000.000		
-	Phòng Dân tộc	47.000.000	47.000.000				47.000.000	47.000.000		683-341; 12